

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 9 -2022

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Trịnh Anh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Đoàn Đắc Bắc – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số 335/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đinh Văn L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 100C, đường L, khóm S, phường B, tp.C, tỉnh C (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Tô Văn C – Công ty Luật TNHH MTV Tô Văn Chánh, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Bích V; Sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Số 60AT, đường Đặng Tấn Tr, phường T, thành phố C, tỉnh C (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) K. Đại diện hợp pháp: Ông Lê Vũ Ph – Phó Giám đốc chi nhánh Cà Mau. Địa chỉ: Số 26-28 đường Phan Ngọc H, phường T, thành phố C, tỉnh C (Vắng mặt).

2. Bà Đinh Thị B, sinh năm 1972 Địa chỉ: Số 100/9A, đường Lý Thường K, khóm S, phường B, thành phố C, tỉnh C (Vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1950. Địa chỉ: Số 100C, đường Lý Thường K, khóm S, phường B, thành phố C, tỉnh C (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 23/8/2021, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đinh Văn L trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Bích V kết hôn vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND phường 7, thành phố Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà V thiếu sự tôn trọng đối với gia đình ông cũng như ông. Ông xác định mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Bích V.

- Về con chung: Ông L xác định vợ chồng có 02 người con chung tên Đinh Thiên L2, sinh ngày 14/9/2011 và Đinh Bảo Ng, sinh ngày 01/01/2013. Hiện 02 con đang sống chung với ông, khi ly hôn ông yêu cầu tiếp tục nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu bà V cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án ông L yêu cầu bà V phải cấp dưỡng mỗi người con là 1,5 triệu đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Ngoài các tài sản vợ chồng tự thỏa thuận là 03 thửa đất, ông xác định hiện vợ chồng còn tài sản chung chưa chia là: 01 chiếc xe SH trị giá 60.000.000đ; 21 phòng trọ cho thuê, tự định giá mỗi phòng khoảng 40.000.000đ. Ngoài ra, năm 2017 ông có mua hợp đồng bảo hiểm nhân thọ AIA cho bà V và hai con, đóng phí bảo hiểm là 52.000.000đ/năm, ông yêu cầu tách ra hợp đồng của hai con chuyển tên sang cho ông để ông tiếp tục đóng hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho 02 con, còn hợp đồng của bà V thì bà V tự đóng.

- Về nợ chung: Ông xác định có nợ Ngân hàng TMCP K số tiền vay 500.000.000đ, và nợ bà Đinh Thị B 3 lượng vàng trị giá hiện tại khoảng 180.000.000đ. Khi ly hôn ông yêu cầu vợ chồng cùng có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ này. Quá trình giải quyết vụ án, ông L xác định ông đồng ý nhận trách nhiệm trả nợ và ông đã thỏa thuận được với các chủ nợ trên, không yêu cầu bà V có trách nhiệm thanh toán đối với các khoản nợ này.

** Tại Bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Bích V trình bày:*

- Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như ông Lợi đã trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn, bà đã nhận sai để hàn gắn vợ chồng nhưng ông Lợi vẫn không thay đổi mà tiếp tục yêu cầu ly hôn. Bà không đồng ý ly hôn, tuy nhiên tại phiên tòa, bà đồng ý ly hôn với ông L.

- Về con chung: Bà V xác định vợ chồng có 02 người con chung tên Đinh Thiên L2, sinh ngày 14/9/2011 và Đinh Bảo Ng, sinh ngày 01/01/2013. Hiện 02 con đang sống chung với ông L, khi ly hôn bà đồng ý giao 02 con cho ông Lợi trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, bà V có yêu cầu được nuôi con chung tên Đinh Bảo Ng, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Có 03 thửa đất vợ chồng đã tự thỏa thuận nên không đồng ý chia theo yêu cầu của ông L. Vợ chồng còn có tài sản chung khác như: đã bỏ tiền riêng của vợ chồng số tiền 250.000.000đ để coi nói (lên lầu) nhà sống chung với

bà Th, giá tiền xây cất còn lại là 150.000.000đ và mua sắm các nội thất như: 01 giường ngang 1,8x2,2m, 01 nệm Kim Đan, 01 bàn trang điểm, 04 máy lạnh, 04 tivi, 01 tủ thờ thần tài, trị giá khoảng 20.000.000đ; 01 chiếc xe SH (mua năm 2019) lúc mua 120.000.000đ hiện tại giá trị còn khoảng 70.000.000đ. Hiện chiếc xe SH bà đang quản lý. Khi ly hôn bà yêu cầu chia đôi các tài sản này. Đối với yêu cầu của ông Lợi về việc chia 21 căn nhà trọ bà không đồng ý vì đã phân chia theo giá trị phần đất trước đó, về giá trị mỗi căn nhà trọ bao nhiêu thì bà không xác định được. Hiện tại bà cũng đã chuyển nhượng toàn bộ tài sản được chia cho mẹ bà, đã làm giấy chuyển nhượng vào ngày 20/7/2021. Đối với yêu cầu tách hợp đồng bảo hiểm nhân thọ thì bà không đồng ý. Vì tiền là do bà đi làm tích góp đưa cho ông L đóng, bà yêu cầu giữ nguyên như hiện tại. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án bà V có yêu cầu chia lại 03 thửa đất vợ chồng đã thỏa thuận phân chia trong thời kỳ hôn nhân và một số đồ gồm sứ khác trong nhà.

- Về nợ chung: Bà V xác định khoản nợ Ngân hàng TMCP K 500.000.000đ là do ông L yêu cầu ký tên vô hợp đồng vay vì bà là người thừa kế hợp pháp của ông L nên bà mới ký tên chứ bà không có nhận khoản tiền này, tài sản thế chấp cũng chỉ đứng tên của ông L vì vậy bà không đồng ý cùng có trách nhiệm thanh toán. Đối với khoản nợ của bà Bé 3 lượng vàng như ông L trình bày thì bà không vay và cũng không biết đến nên bà không đồng ý cùng có trách nhiệm thanh toán cho bà Bé.

** Tại đơn yêu cầu độc lập và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP K do ông Lê Vũ Phong trình bày:* Ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Bích V có vay của Ngân hàng TMCP K theo hợp đồng tín dụng số 371/21/HĐTD/2000-8062 ký kết ngày 13/4/2021 số tiền 500.000.000đ. Quá trình vay ông, bà đã thanh toán một phần gốc, tính đến thời điểm hiện tại thì ông L, bà V còn nợ tiền gốc là: 444.000.000đ, lãi 2.189.589đ. Tổng số tiền gốc và lãi là 446.189.589đ. Tài sản thế chấp là phần đất đứng tên ông Đinh Văn L, đất tọa lạc tại phường 5, thành phố Cà Mau. Trường hợp ông Đinh Văn L nhận thanh Toán khoản vay thì Ngân hàng đồng ý tiếp tục hợp đồng vay. Ngân hàng đề nghị ông L và bà V cùng có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản vay trước khi ly hôn.

Tại văn bản số 298/CV-CNCM22 ngày 20/7/2022, đại diện Ngân hàng TMCP K yêu cầu rút đơn yêu cầu đối với ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Bích V.

** Tại đơn yêu cầu độc lập và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Đinh Thị B trình bày:* Vào năm 2015 bà có cho em trai và em dâu là Đinh Văn L và Nguyễn Bích V vay 03 lượng vàng SJC, khi vay không có giấy tờ và cũng không có người làm chứng, nhưng bà xác định giao vàng tận tay bà V. Trường hợp ông L và bà V ly hôn thì bà yêu cầu ông Lợi, bà V cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà 03 lượng vàng SJC. Vào ngày 04/7/2022 bà B nộp Đơn đề nghị rút đơn khởi kiện, bà xác định không yêu cầu ông L, bà V trả 03 lượng vàng SJC. Tại phiên tòa, bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu về việc rút đơn yêu cầu, không yêu cầu ông L, bà V cùng có trách nhiệm trả khoản nợ trên.

** Tại đơn trình bày và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Th trình bày: Năm 2010 con trai bà là ông L cưới vợ, do mới cưới nên có khó khăn về nhà ở nên xin ở nhờ nhà bà. Năm 2015, vợ chồng ông L, bà V có thêm 02 người con do diện tích chật hẹp nên xin coi nói thêm gác trên bằng tiền chế. Khu vực sàn đã có sẵn sàn ban công trước và sau, ông L, bà V làm sàn nhẹ, nâng mái lên và tận dụng mái cũ, tường xung quanh thì dựa vách 2 bên nhà người khác. Đến tháng 8/2018 vợ chồng L, V xin ra riêng và dọn đồ đạc ra ở riêng. Đến tháng 11/2020 thì ông L về xin cho ở chung lại. Đến tháng 01/2021 thì hai vợ chồng lục đục ly hôn. Nay ông L, bà V xin ly hôn bà không có ý kiến. Nếu có yêu cầu chia về phần coi nói thì tôi yêu cầu ông L, bà V làm trả lại hiện trạng nhà cũ giống như trước đây, trường hợp gây thiệt hại thì tôi yêu cầu bồi thường thỏa đáng.*

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu như sau: Về hôn nhân: vẫn giữ yêu cầu được ly hôn; về con chung: ông L yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét; về nợ chung: ông L nhận trả các khoản nợ Ngân hàng K và nợ bà B.

Bị đơn trình bày thống nhất với nội dung thay đổi yêu cầu tại phiên tòa nêu trên của nguyên đơn. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Thống nhất với sự thay đổi yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể: về hôn nhân đề nghị cho ông L ly hôn với bà V; về con: giao cả 02 con chung cho ông L nuôi, không đặt ra việc bà V cấp dưỡng; về tài sản chung: thống nhất các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét; về nợ chung: Ông L thống nhất nhận trách nhiệm trả nợ Ngân hàng K và nợ bà B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay là đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân: Chấp nhận ông Đinh Văn L ly hôn với bà Nguyễn Bích V; về con chung: Giao cả 02 con chung cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, bà V không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: các đương sự xác định tự thỏa thuận nên không xem xét; về nợ chung: các đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét, đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng TMCP K và của bà Đinh Thị B. Nguyên đơn có nghĩa vụ chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đại diện hợp pháp Ngân hàng TMCP K, bà Đinh Thị B, bà Nguyễn Thị Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập

hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử nhưng có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đại diện Ngân hàng TMCP K, bà B, bà Th là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà V xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo đơn khởi kiện ông L xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn, vợ chồng đã ly thân nên ông yêu cầu ly hôn với bà V, quá trình giải quyết vụ án, bà V xác định vẫn còn tình cảm mong muốn hàn gắn, tuy nhiên ông L kiên quyết yêu cầu ly hôn và tại phiên tòa bà V đồng ý ly hôn. Xét thấy, hôn nhân của ông L, bà V mâu thuẫn đã trầm trọng, quá trình giải quyết vụ án không thể hàn gắn được và ông L, bà V thống nhất ly hôn nên cần chấp nhận cho ông Đinh Văn L ly hôn với bà Nguyễn Bích V.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 người con chung tên Đinh Thiên L2, sinh ngày 14/9/2011 và Đinh Bảo Ng, sinh ngày 01/01/2013. Tại phiên tòa, ông L, bà V thống nhất khi ly hôn ông L được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, ông L, bà V đã thỏa thuận được việc nuôi con chung, phù hợp với nguyện vọng của 02 con thể hiện tại “Biên bản ghi ý kiến nguyện vọng của con khi vợ chồng ly hôn” vào ngày 01/12/2021 nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, ông L, bà V có liệt kê các tài sản chung gồm: 03 thửa đất (đã chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân tại Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng ngày 01/3/2021), trên đất có tổng cộng 21 nhà trọ, đóng góp vào việc coi nói nhà khi ở cùng bà Nguyễn Thị Thư, 01 xe máy hiệu SH, 01 Hợp đồng bảo hiểm cho bà V và 02 con chung, và một số vật dụng khác như: 01 giường, 01 nệm, 04 máy lạnh, 04 tivi và một số đồ gốm sứ... Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thực hiện thủ tục yêu cầu thẩm định và định giá mặc dù Tòa án đã giải thích cho các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ yêu cầu của mình theo quy định. Tại phiên tòa ngày 24/8/2022, bà V yêu cầu ngừng phiên tòa để bà thực hiện quyền yêu cầu thẩm định, định giá tài sản chung nhưng đến ngày 30/8/2022 bà V xác định tự thỏa thuận với ông L nên không yêu cầu Tòa án xem xét; Đồng thời tại phiên tòa, ông L, bà V xác định đã tự thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết hoặc ghi nhận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông Đinh Văn L xác định có nợ Ngân hàng TMCP K số tiền 500.000.000 đồng, nợ bà Đinh Thị B 03 lượng vàng SJC. Ngày 16/12/2021 Ngân hàng TMCP K có nộ đơn yêu cầu ông L, bà V thanh toán hợp đồng vay với số tiền vốn và lãi là 446.189.589đ; Ngày 04/12/2021 bà Đinh Thị B có nộ đơn yêu cầu ông L, bà V trả 03 lượng vàng SJC. Bà V xác định nợ này là nợ riêng của ông L, bà không đồng ý có trách nhiệm trả các khoản nợ trên.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông L xác định ông đồng ý nhận trách nhiệm trả các khoản nợ trên và ông đã thỏa thuận với các chủ nợ nên yêu cầu Tòa án không xem xét. Đồng thời, Ngân hàng TMCP K có văn bản xin rút đơn yêu

cầu, bà Đinh Thị B cũng có đơn đề nghị rút đơn yêu cầu. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Do Ngân hàng và bà B có nộp đơn, dự nộp tạm ứng án phí, nay rút đơn yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ các yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP K và bà B.

[6] Về án phí: Ông L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật. Do đình chỉ yêu cầu nên Ngân hàng và bà Đinh Thị B được nhận lại tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 217, Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 và Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Đinh Văn L về việc xin ly hôn với bà Nguyễn Bích V.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Đinh Thiên L2, sinh ngày 14/9/2011 và Đinh Bảo Ng, sinh ngày 01/01/2013 cho ông L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra việc bà V cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà V không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP K về việc yêu cầu ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Bích V thanh toán tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 371/21/HĐTD/2000-8062 ký kết ngày 13/4/2021.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Đinh Thị B về việc yêu cầu ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Bích V trả nợ 03 lượng vàng SJC.

5. Về án phí: Ông Đinh Văn L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình số tiền 300.000 đồng. Ngày 17/09/2021, ông L nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001364 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu ngân sách nhà nước.

Ngân hàng TMCP K đã nộp tạm ứng án phí số tiền 10.900.000 đ tại Biên lai số 0000740 ngày 23/12/2021 được nhận lại.

Bà Đinh Thị B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 4.500.000đ tại Biên lai số 0000745 ngày 24/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông L, bà V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ngân hàng TMCP K, bà Th, bà B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- UBND Phường 7, tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Hồng Xuyên